

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2022/HS-ST**

Ngày 27 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Bình Trọng.

Nghề nghiệp: Bí thư đoàn thanh niên Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch hội nông dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST - HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Việt D**, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2005 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 06 tháng 17 ngày) tại xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D2, sinh năm 1974 và bà: Lê Thị L, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba, chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Việt D: Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1974, là bố đẻ của bị cáo (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt D: Bà Nguyễn Thị Ngà, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Trịnh Ngọc D3, sinh năm 1974 (Văng mặt).

Địa chỉ: K, xã Y2, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ ngày 18/10/2021, Nguyễn Việt D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B7-827.85 từ nhà mình ở Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đi qua nhà bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954, ở cùng thôn, thấy nhà bà T khóa cửa không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D về nhà cất xe rồi đi bộ sang nhà bà T. Để tránh bị mọi người phát hiện, D đi vòng vào ngõ bên hông nhà, trèo tường vào bên trong, thấy cửa sau chỉ đóng lại mà không khóa nên D kéo cánh cửa ra, đi vào bên trong nhà. Đi đến phòng khách, D thấy một tủ gỗ hai cánh đang bị khóa nên không mở ra được thì tiếp tục đi vào phòng ngủ. Tại đây, D phát hiện một thùng catton, bên trong thùng có một chùm chìa khóa nên đã cầm chìa khóa đi đến tủ gỗ ở phòng khách để mở khóa tủ thì phát hiện trong tủ có một túi nilon màu đen bên trong có một chiếc tất màu vàng đựng hai hộp nhựa hình tròn màu đỏ, mở hai hộp hình tròn thấy bên trong có 02 nhẫn vàng 999, nhãn hiệu Kim Trang (gồm 01 cái một chỉ và 01 cái 1,5 chỉ). D lấy 02 chiếc nhẫn bỏ vào túi áo khoác rồi cất tất, vỏ hộp, chìa khóa vào chỗ cũ và đi về nhà bằng đường cũ. Khi về đến nhà, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B7-827.85 đi đến cửa hàng vàng bạc của anh Trịnh Ngọc D3, ở K, xã Y2, huyện Yên Định bán được số tiền là 12.600.000đ và đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 04/11/2021, bà T phát hiện bị mất tài sản nên đã báo cáo công an giải quyết.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 01/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Định đã xác định 02 chiếc nhẫn vàng có trọng lượng 2,5 chỉ mà D trộm cắp nhà bà T, trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 12.600.000đ (BL113).

Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ngày 04/11/2021 D đã đến Công an huyện Yên Định đầu thú (BL 40, 41).

Quá trình điều tra, D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội mình. Lời khai nhận tội của D phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định Nguyễn Việt D đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 chiếc nhẫn vàng 999 trị giá 12.600.000đ của bà T như nêu trên.

Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B7-827.85 D dùng để đi tiêu thụ tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn D2 (là bố D), anh Dên không biết việc D lấy xe và đi tiêu thụ trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ phương tiện.

Đối với chiếc nhẫn vàng Nguyễn Việt D bán cho anh Trịnh Ngọc D3, anh D3 đã bán cho người không rõ danh tính nên không thu giữ được (BL 85).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Việt D và gia đình đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị T 02 chiếc nhẫn vàng với tổng trọng lượng 2.5 chỉ, bà T không yêu cầu bồi thường gì thêm (BL 97).

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSÝĐ ngày 20/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Nguyễn Việt D về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Việt D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 100 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Việt D từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo D; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong quá trình điều tra nên không xem xét; Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo D đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX: Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 100 Bộ luật hình sự để xem xét áp dụng cho bị cáo D mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Trong phần tranh luận: Bị cáo D thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo thống nhất như lời trình bày của bị cáo và quan điểm của người bào chữa. Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Định; hành vi của Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Việt D đã hoàn toàn thừa nhận: Vào khoảng 08 giờ ngày 18/10/2021, Nguyễn Việt D đã lợi dụng thời điểm nhà bà Nguyễn Thị T, ở Thôn 4, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa không có ai ở nhà nên D đã đột nhập vào nhà và trộm cắp 02 chiếc nhẫn vàng 999 với tổng trọng lượng 2,5 chỉ. Trị giá tài sản tại thời điểm trộm cắp là 12.600.000đ. D đã bán lấy tiền và chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi trộm cắp của bị cáo Nguyễn Việt D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phải biết được rằng tài sản của bà T cũng như bao tài sản của công dân khác là do công sức của họ làm nên và được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của công dân đều bị xử lý nghiêm minh. Do ham chơi, cần tiền để tiêu xài cá nhân cùng với tính chất bông bột nhất thời của tuổi mới lớn và sự nhận thức, hiểu biết pháp luật chưa rõ ràng. Hơn nữa sự quan tâm của gia đình đối với bị cáo chưa đầy đủ, chưa sát sao trong việc giáo dục, chăm sóc bị cáo nên dẫn đến việc phạm tội. Vì vậy, cũng cần thiết phải xem xét xử lý thật nghiêm để mang tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo D có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm i, s, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo. Bị cáo khi phạm tội mới 16 tuổi 06 tháng 17 ngày nên còn thiếu hiểu biết về pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng chính sách hình sự của người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Chương XII của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo D có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 100 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5] Đối với anh Trịnh Ngọc D3 là người đã mua tài sản của D trộm cắp nhưng anh D3 không biết được đó là tài sản do bị cáo D trộm cắp và bị cáo cũng không nói cho anh D3 biết. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh Trịnh Ngọc D3 là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 36B7-827.85 D dùng để đi tiêu thụ tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn D2 (là bố của bị cáo D). Anh D2 không biết việc D lấy xe và đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ phương tiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc nhẫn vàng Nguyễn Việt D bán cho anh Trịnh Ngọc D3, anh D3 đã bán cho người không rõ danh tính nên không thu giữ được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản đầy đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt D 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo D.

Thời hạn cải tạo không giam giữ áp dụng đối với bị cáo D tính từ ngày UBND xã Y, huyện Yên Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Việt D cho UBND xã Y, huyện Yên Định và gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Việt D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Bị cáo, người đại diện, người bào chữa;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa